

CHUYÊN ĐỀ
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI, CỐT LÕI VÀ KINH NGHIỆM 40 NĂM
ĐỔI MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG**

*(đồng chí **Trịnh Văn Quyết**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương,
Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương trình bày)*

Từ ngày 19 đến ngày 23/01/2026, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Đại hội đã bầu ban Chấp hành Trung ương khóa XIV gồm những đồng chí được chọn lọc kỹ càng, đủ tài, đủ đức và đủ sức gánh vác trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân. Đại hội cũng đã thông qua Nghị quyết, trong đó xác định rõ đường lối, chủ trương, những quyết sách chiến lược của Đảng trong nhiệm kỳ 2026-2031 và định hướng chiến lược phát triển đất nước đến năm 2045, đánh dấu sự khởi đầu cho kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc.

Theo phân công của Ban Tổ chức hội nghị, tôi xin trình bày chuyên đề “*Một số vấn đề mới, cốt lõi và kinh nghiệm 40 năm đổi mới trong văn kiện Đại hội XIV của Đảng*”. Chuyên đề gồm 4 nội dung:

- 1) Vai trò, ý nghĩa và thành công cơ bản của Đại hội XIV;
- 2) Cách tiếp cận mới và những đổi mới trong xây dựng văn kiện Đại hội XIV;
- 3) Những vấn đề cốt lõi trong Văn kiện Đại hội XIV;
- 4) Một số yêu cầu căn bản trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV.

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, trong nội dung trình bày tôi xin không nhắc lại những con số, nội dung cụ thể trong Văn kiện và Nghị quyết Đại hội, mà chỉ phân tích làm rõ cơ sở khoa học, thực tiễn, những đặc điểm, mối quan hệ tác động qua lại, ý nghĩa của các vấn đề mới, cốt lõi, với mong muốn gợi mở để hiểu sâu hơn, thấu đáo hơn cách tư duy mới, nội dung, yêu cầu, phương pháp mới mà Đại hội XIV đặt ra và bắt tay ngay vào tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội.

I. VAI TRÒ, Ý NGHĨA VÀ THÀNH CÔNG CƠ BẢN CỦA ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Trước hết, cần khẳng định một cách rõ ràng và nhất quán rằng: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan

trọng, mang tầm vóc lịch sử đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Đây không chỉ là một kỳ Đại hội tổng kết nhiệm kỳ hay xác định mục tiêu 5 năm, mà là Đại hội định hình tư duy phát triển, xác lập mô hình tăng trưởng mới và kiến tạo nền tảng thể chế cho cả một chặng đường dài của dân tộc đến giữa thế kỷ XXI. Đại hội XIV thực sự là Đại hội của bước ngoặt phát triển, của tầm nhìn chiến lược và của khát vọng vươn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Có thể khẳng định một số trọng tâm sau:

1. Đại hội của bước chuyển giai đoạn phát triển

Nhìn lại chặng đường gần 40 năm đổi mới, có thể thấy rõ: giai đoạn vừa qua chủ yếu là quá trình thoát khỏi khủng hoảng, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập nền tảng thể chế và tích lũy tiềm lực phát triển.

Nhờ đó, đất nước đã: Ra khỏi nhóm nước nghèo; trở thành nền kinh tế có quy mô ngày càng lớn; hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; vị thế và uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, khi quy mô phát triển đạt đến một mức nhất định, mô hình tăng trưởng cũ dần bộc lộ giới hạn như: Dựa nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động giá rẻ; năng suất lao động thấp; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thật sự là động lực chủ yếu; thể chế còn nhiều điểm nghẽn.

Chính trong bối cảnh ấy, Đại hội XIV đánh dấu bước chuyển sang giai đoạn “bứt phá phát triển”. “Bứt phá” ở đây không chỉ là tăng trưởng nhanh hơn về số lượng, mà là chuyển đổi căn bản về chất lượng phát triển, thể hiện ở những yêu cầu: Đổi mới mô hình phát triển; thay đổi động lực tăng trưởng; nâng cao năng lực quản trị quốc gia; tạo thế và lực mới cho đất nước.

Đó là bước chuyển: Từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu; từ dựa vào tài nguyên, lao động giá rẻ sang dựa vào tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từ “theo kịp” sang “vươn lên cạnh tranh”; từ “ổn định để phát triển” sang tư duy biện chứng “phát triển để ổn định, ổn định để phát triển bền vững và cải thiện đời sống Nhân dân”.

Có thể nói, Đại hội XIV mở ra một tầm mức phát triển mới của đất nước - tầm mức phát triển dựa trên động lực nội sinh và năng lực sáng tạo của dân tộc.

2. Đại hội của tầm nhìn chiến lược dài hạn

Một trong những điểm nổi bật của Đại hội XIV là tầm nhìn chiến lược dài hạn, vượt ra ngoài khuôn khổ một nhiệm kỳ.

Đại hội xác lập rõ các mục tiêu chiến lược: Đến năm 2030: nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045: nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những mục tiêu ấy không chỉ là những chỉ tiêu kinh tế thuần túy, mà là sự kết tinh của khát vọng phát triển dân tộc, là lời cam kết chính trị của Đảng trước Nhân dân và trước lịch sử.

Điều quan trọng hơn là: để hiện thực hóa các mục tiêu ấy, Đại hội không dừng ở mong muốn hay khẩu hiệu, mà đồng thời thiết kế hệ giải pháp đồng bộ: Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển; đột phá khoa học - công nghệ; phát triển kinh tế tư nhân; nâng tầm giáo dục và nguồn nhân lực; khơi dậy sức mạnh văn hóa - con người; mở rộng không gian đối ngoại và tự chủ chiến lược.

Chính sự gắn kết giữa tầm nhìn - mục tiêu - giải pháp - tổ chức thực hiện đã tạo nên chiều sâu chiến lược và tính khả thi cho đường lối phát triển.

3. Thành công nổi bật của Đại hội

Có thể khái quát một số thành công cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trên ba phương diện:

Thứ nhất, thành công về tư duy và nhận thức lý luận

Đại hội thể hiện rõ tinh thần khoa học, thực tiễn, dũng cảm “nhìn thẳng vào sự thật”, đánh giá khách quan cả thành tựu và hạn chế, chỉ rõ những “điểm nghẽn của phát triển” về thể chế, nguồn lực, quản trị, chất lượng tăng trưởng.

Trên cơ sở đó, Đại hội đã bổ sung và phát triển nhiều nhận thức lý luận mới: tự chủ chiến lược; thể chế phát triển; khoa học, công nghệ là động lực chủ yếu; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất; văn hóa, con người là sức mạnh nội sinh... Đây là biểu hiện sinh động của bản

lĩnh tụ đổi mới và năng lực tổng kết thực tiễn của Đảng cầm quyền, là kết tinh của những bài học kinh nghiệm qua 40 năm đổi mới vừa qua.

Thứ hai, thành công về định hướng chiến lược và thiết kế chính sách

Lần đầu tiên, một hệ quan điểm phát triển được xây dựng theo tư duy hệ thống, đa trụ cột, đa động lực, gắn chặt kinh tế với văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Đặc biệt, việc tích hợp ba báo cáo lớn thành một Báo cáo chính trị thống nhất là một thành công rất quan trọng cả về phương pháp luận và phương thức lãnh đạo. Sự tích hợp này mang nhiều ý nghĩa sâu sắc: Khắc phục tình trạng trùng lặp, phân tán, “mạnh ai nấy nói” giữa các văn kiện; bảo đảm sự thống nhất giữa đường lối chính trị, chiến lược kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng; tạo nên một chỉnh thể tư duy nhất quán, xuyên suốt.

Quan trọng hơn, về mặt tổ chức thực tiễn: cán bộ, đảng viên dễ tiếp cận, dễ học tập, dễ quán triệt; tránh cách hiểu khác nhau giữa các báo cáo; giảm nguy cơ vận dụng rời rạc, cục bộ; tăng tính thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị.

Có thể nói, tích hợp văn kiện chính là tích hợp tư duy, tích hợp nhận thức và tích hợp hành động, qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Đây không chỉ là đổi mới kỹ thuật biên soạn, mà là đổi mới phương thức lãnh đạo bằng văn kiện - từ “định hướng” sang “hành động”, từ “nói đúng” sang “làm được”.

Thứ ba, thành công về khơi dậy niềm tin và khát vọng phát triển dân tộc

Nếu văn kiện chỉ dừng ở chính sách mà không tạo được niềm tin xã hội thì khó trở thành động lực phát triển. Đại hội XIV đã làm được điều quan trọng hơn: khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự tin, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên của toàn dân tộc; kết nối khát vọng của Đảng với mong muốn của Nhân dân; biến mục tiêu phát triển thành mệnh lệnh hành động chung. Đó chính là sức mạnh tinh thần, nguồn lực nội sinh to lớn nhất, nền tảng để biến mọi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước thành hiện thực.

Từ sự phân tích các yếu tố trên cho thấy: *Đại hội XIV không chỉ là một sự kiện chính trị thông thường, mà là dấu mốc lịch sử mở ra kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, của dân tộc, kỷ nguyên bứt phá,*

sáng tạo và tự chủ. Vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

II. CÁCH TIẾP CẬN MỚI VÀ NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV

Đại hội XIV thể hiện sự đổi mới, sáng tạo trong phương thức tư duy và phương pháp lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được phản ánh ngay từ cách xây dựng văn kiện. Bởi lẽ, trong điều kiện Đảng cầm quyền, văn kiện Đại hội không chỉ là tài liệu chính trị, mà chính là “bản thiết kế chiến lược”, công cụ lãnh đạo tối cao của Đảng đối với toàn xã hội. Đổi mới văn kiện thực chất là đổi mới phương thức lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Chúng ta có thể hiểu trên mấy vấn đề sau:

1. Đổi mới cách tiếp cận: từ tổng kết nhiệm kỳ sang thiết kế chiến lược phát triển

Ở các giai đoạn trước, văn kiện Đại hội thường thiên về: Tổng kết thành tựu, rút kinh nghiệm, đề ra mục tiêu và nhiệm vụ. Đại hội XIV đã vượt lên cách tiếp cận đó, chuyển mạnh sang tư duy thiết kế chiến lược phát triển dài hạn.

Điều này thể hiện ở chỗ: Cùng với tầm nhìn 5 năm, hướng tới kế hoạch đến 2030 và tầm nhìn đến 2045; không chỉ đặt mục tiêu, mà đồng thời xác lập mô hình phát triển, động lực phát triển, thể chế phát triển; không chỉ xác định nhiệm vụ, mà gắn chặt với chương trình hành động và tổ chức thực hiện.

Như vậy, văn kiện không còn là “báo cáo tổng hợp” mà trở thành “bản đồ chiến lược” định hướng cho cả hệ thống chính trị vận hành trong một thời gian dài.

2. Tư duy hệ thống, toàn diện: tích hợp các lĩnh vực trong một chỉnh thể thống nhất

Một bước đột phá có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc là tích hợp ba báo cáo lớn thành một Báo cáo chính trị thống nhất. Sự đổi mới này phản ánh nhận thức mới: Trong điều kiện phát triển hiện đại chính trị không thể tách rời kinh tế; kinh tế không thể tách rời văn hóa - xã hội; sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước không thể tách rời xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Khắc phục tình trạng trước đây các báo cáo được trình bày riêng rẽ, dễ dẫn đến: Trùng lặp nội dung; phân tán trọng tâm; thậm chí cách diễn đạt khác nhau gây ra cách hiểu không thống nhất. Với việc tích hợp thành một Báo cáo chính trị duy nhất đã tạo nên một chỉnh thể tư duy liền mạch, nhất quán, xuyên suốt từ đường lối đến tổ chức thực hiện.

Ý nghĩa thực tiễn rất rõ: Cán bộ, đảng viên dễ học tập, dễ nắm bắt trọng tâm; tránh cách hiểu khác nhau giữa các văn kiện; hạn chế vận dụng cục bộ theo “lĩnh vực mình phụ trách”; tăng cường sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn Đảng.

Có thể nói, tích hợp văn kiện chính là tích hợp tư duy, tích hợp nhận thức, tích hợp hành động. Đây chính là một biểu hiện của phong cách lãnh đạo mới, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp hơn của Đảng cầm quyền.

3. Chuyển từ “nghị quyết định hướng” sang “nghị quyết hành động”

Lần đầu tiên, ngay trước và trong quá trình chuẩn bị Đại hội, Đảng ta đã đề ra một loạt quyết sách chiến lược về những lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa to lớn đối với đất nước như: Hoàn thiện hệ thống luật pháp; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển nền văn hóa; chăm sóc y tế, sức khỏe cho Nhân dân... Đó là một cách tiếp cận mới về phương pháp lãnh đạo của Đảng với tinh thần quyết liệt, khẩn trương - *cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng đồng thời với quá trình hoạch định đường lối*.

Vừa qua, Đảng ta đã có tới 9 nghị quyết chiến lược, được triển khai thực hiện trước khi tổ chức Đại hội XIV của Đảng. Đây là thể hiện cách tiếp cận mới, tư duy mới và nhất là tư duy hành động, triển khai nghị quyết từ sớm để đạt tới mục tiêu là hiệu quả thực hiện nghị quyết.

Cũng là lần đầu tiên, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết được gắn trực tiếp vào Báo cáo chính trị trình Đại hội. Điều đó thể hiện tinh thần rất mới: Nói đi đôi với làm, mục tiêu gắn với giải pháp, giải pháp gắn với trách nhiệm, trách nhiệm gắn với thời hạn và nguồn lực. Qua đó, khắc phục hạn chế đã tồn tại từ rất lâu: Nghị quyết đúng nhưng triển khai chậm; chủ trương rõ nhưng cụ thể hóa kéo dài. Đây chính là bước chuyển quan trọng: từ “*tư duy chính sách*” sang “*tư duy quản trị*”

thực thi”. **Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh** trong Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội: “Văn kiện lần này nhấn mạnh yêu cầu hành động; đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ; kiên quyết khắc phục tình trạng *"nói nhiều làm ít"*, *"nói hay, làm dở"*, thậm chí *"nói không đi đôi với làm"*; thiếu kiểm tra, giám sát; đề ra mục tiêu cao nhưng triển khai chậm, hiệu quả thấp”.

Vì vậy, có thể khẳng định: Đổi mới công tác xây dựng văn kiện Đại hội XIV không chỉ là đổi mới hình thức trình bày, mà là một biểu hiện cụ thể của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới đảm bảo thiết thực hơn, hành động hơn và hiệu quả hơn. Do đó, hiểu được cách tiếp cận mới và những đổi mới trong xây dựng văn kiện là cơ sở phương pháp luận đầu tiên, quan trọng để chúng ta hiểu sâu sắc, đầy đủ nội dung của văn kiện, xác định đúng và trúng yêu cầu, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện thành công đường lối, chủ trương mà Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIV

Nếu coi Đại hội XIV là dấu mốc mở ra một kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, thì Văn kiện Đại hội chính là sự kết tinh cao nhất của trí tuệ, bản lĩnh và tầm nhìn chiến lược của Đảng, phản ánh bước phát triển mới trong nhận thức lý luận và tư duy chỉ đạo thực tiễn.

Điểm nổi bật của Văn kiện lần này không chỉ nằm ở những mục tiêu cụ thể, mà sâu xa hơn là những chuyển biến căn bản về tư duy phát triển, mô hình tăng trưởng và phương thức tổ chức đất nước trong kỷ nguyên mới.

Có thể khái quát những vấn đề cốt lõi thành một số trụ cột chiến lược sau đây:

1. Bổ sung và phát triển “lý luận về đường lối đổi mới”, bước trưởng thành mới về tư duy lý luận của Đảng

Trước hết, phải khẳng định: Một trong những điểm mới có ý nghĩa lịch sử của Đại hội XIV là việc bổ sung “lý luận về đường lối đổi mới” như một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều này thể hiện một chân lý sâu sắc: Đảng ta không giáo điều, không dập khuôn, mà luôn biết tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, dùng lý luận soi đường cho thực tiễn. Đây chính là những bài học quý của 40 năm đổi mới mà vừa qua chúng ta đã tổng kết.

Công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong 40 năm thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng không chỉ mang lại những thành tựu to lớn có tính lịch sử, tạo dựng nên cơ đồ, tiềm lực và vị thế quốc tế chưa từng có của đất nước, mà còn là minh chứng đầy sức thuyết phục cho bản lĩnh, sự sáng tạo của Đảng, niềm tin và sức mạnh vĩ đại của Nhân dân. 40 năm đổi mới cũng đã cung cấp một kho tàng kinh nghiệm vô cùng phong phú: Chuyển đổi thành công từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội; hội nhập quốc tế sâu rộng nhưng vẫn giữ vững độc lập, tự chủ; đặt con người vào trung tâm của mọi chiến lược phát triển, con người là mục tiêu đồng thời là động lực của phát triển, hạnh phúc của Nhân dân là mục đích tối thượng của Đảng, của chế độ; phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân ngay từ hoạch định đường lối, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đến tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và thụ hưởng thành quả phát triển.

Những thành tựu đó không chỉ mang giá trị thực tiễn, mà đã được nâng lên thành nhận thức lý luận có tính hệ thống, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phù hợp với quy luật phát triển và điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc ta.

Việc bổ sung “lý luận về đường lối đổi mới” vì thế: Vừa củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, vừa tăng cường niềm tin khoa học vào con đường đã lựa chọn, vừa tạo cơ sở lý luận vững chắc cho hoạch định chính sách trong giai đoạn mới. Đây chính là biểu hiện sinh động của bản lĩnh trí tuệ và năng lực tự đổi mới của một Đảng cầm quyền cách mạng. Lý luận về đường lối đổi mới sẽ cùng với chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trở thành ngọn đèn soi sáng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc ta trong Kỷ nguyên phát triển mới.

2. Xác lập tư duy “tự chủ chiến lược” - định vị mới của Việt Nam trong một thế giới đầy biến động. Đây cũng là điểm rất mới.

Trong bối cảnh thế giới ngày càng phân mảnh, cạnh tranh chiến lược gay gắt, phụ thuộc lẫn nhau nhưng cũng đầy rủi ro, Văn kiện Đại hội XIV lần đầu tiên nhấn mạnh một khái niệm có ý nghĩa rất sâu sắc: Đó là “Tự chủ chiến lược”. Đây là khái niệm mới có ý nghĩa rất sâu sắc.

Nếu “độc lập, tự chủ” trước đây chủ yếu nhấn mạnh không lệ thuộc, thì “tự chủ chiến lược” được hiểu ở tầm cao hơn: Chủ động lựa chọn con đường phát triển; chủ động thiết kế quan hệ đối ngoại; chủ động làm chủ

công nghệ và nguồn lực; chủ động ứng phó với các cú sốc bên ngoài. Đó là sự chuyển biến từ tư thế “thích ứng” sang tư thế “kiến tạo”.

Tư chủ chiến lược không có nghĩa là khép kín, mà là: mở cửa chủ động, hội nhập sâu rộng, nhưng không đánh mất lợi ích quốc gia, dân tộc. Chính tư duy này đã tạo ra không gian phát triển rộng lớn hơn cho đất nước trong kỷ nguyên toàn cầu hóa mới.

3. Hoàn thiện thể chế phát triển, khâu đột phá chiến lược mang tính quyết định

Một nhận thức rất rõ ràng trong Văn kiện cũng chính là điều đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh: Thể chế chính là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, đồng thời cũng là “đòn bẩy của đòn bẩy”. Thực tiễn cho thấy: Nguồn lực đất nước không hề thiếu, nhưng nhiều khi không được giải phóng do rào cản thể chế, thủ tục, cơ chế thực thi. Vì vậy, Đại hội XIV xác định: xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Điểm mới ở đây là cách tiếp cận “thể chế phát triển” như một hệ sinh thái tổng thể: pháp luật, cơ chế chính sách, bộ máy, con người, văn hóa quản trị, kỷ luật thực thi.

Một thể chế minh bạch, pháp quyền, hiệu lực, hiệu quả sẽ đảm bảo cho việc: Khơi thông nguồn lực, kích thích sáng tạo, giảm chi phí xã hội, tăng niềm tin thị trường, tăng niềm tin của nhân dân. Có thể nói: thể chế tốt chính là nền móng vững chắc nhất của phát triển bền vững.

4. Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đây là bước chuyển căn bản về động lực phát triển. Nếu trước đây tăng trưởng chủ yếu dựa vào: vốn, tài nguyên, lao động giá rẻ; thì nay những động lực đó đã dần tới hạn. Do đó, Đại hội XIV xác định rõ: khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của thời đại: quốc gia nào làm chủ tri thức và công nghệ, quốc gia đó làm chủ tương lai.

Không chỉ coi đây là một lĩnh vực, Đại hội đặt khoa học và công nghệ vào vị trí trụ cột của mô hình phát triển, gắn chặt khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất kinh doanh, quản trị quốc gia. Đây

chính là chìa khóa để Việt Nam bứt phá, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến.

5. Phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc: văn hóa, con người, giáo dục, đào tạo và kinh tế tư nhân

Một điểm rất sâu sắc trong Văn kiện là tư duy phát triển toàn diện, lấy con người làm trung tâm. Đại hội khẳng định: văn hóa là nền tảng tinh thần, con người là chủ thể sáng tạo, giáo dục là quốc sách hàng đầu, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất.

Điều đó cho thấy: Phát triển không chỉ là câu chuyện của tăng trưởng GDP, mà là nâng cao chất lượng sống, hạnh phúc và phẩm giá con người. Đây chính là bản chất nhân văn của định hướng xã hội chủ nghĩa. Như Bác Hồ đã từng nhắc nhở: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”, và “Nếu độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Khi nguồn lực tinh thần và sức sáng tạo của hàng triệu con người được khơi dậy, đó sẽ là nguồn động lực nội sinh mạnh mẽ nhất, bền vững nhất của quốc gia, là khi “khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

6. Tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển đối ngoại tương xứng tầm vóc đất nước

Văn kiện cũng thể hiện tư duy quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở tầm cao mới: không chỉ “kiên quyết, kiên trì” bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhân dân và bảo vệ chế độ, mà còn phải bảo vệ hòa bình, bền vững Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy; không chỉ “hội nhập để phát triển”, mà còn “đóng góp để kiến tạo hòa bình, ổn định và phát triển chung” của khu vực và thế giới. Điều này thể hiện trách nhiệm của Việt nam đối với quốc tế.

Tăng cường quốc phòng, an ninh trong bối cảnh thế giới phức tạp hiện nay là điều kiện để xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc, phát huy tinh thần tự chủ, tự cường, hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả. Đối ngoại trở thành công cụ bảo vệ lợi ích quốc gia, phương thức mở rộng không gian phát triển, đồng thời là cách khẳng định

bản sắc và sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc và trách nhiệm toàn cầu.

Có thể thấy: Văn kiện Đại hội XIV đã xác lập một hệ thống tư duy phát triển mới: vững về lý luận, rõ về chiến lược, mạnh về động lực, sâu về nhân văn và hiện đại về quản trị. Chính hệ thống quan điểm ấy tạo nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong kỷ nguyên phát triển mới.

IV. MỘT SỐ YÊU CẦU CĂN BẢN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV

Nếu Văn kiện Đại hội XIV được ví như bản thiết kế chiến lược cho tương lai phát triển của đất nước, thì tổ chức thực hiện chính là cầu nối từ tầm nhìn đến hiện thực. Thực tiễn nhiều nhiệm kỳ cho thấy một bài học rất sâu sắc: nghị quyết có thể rất đúng, rất hay, nhưng nếu tổ chức thực hiện không quyết liệt, không đồng bộ, thì nghị quyết vẫn chỉ dừng lại trên giấy.

Vì vậy, yêu cầu rất lớn đặt ra hiện nay không chỉ là “hiểu đúng nghị quyết”, mà phải biến nghị quyết thành hành động cụ thể, thành chuyển biến thực chất trong đời sống kinh tế, xã hội, thành niềm tin của toàn dân, toàn quân đối với Đảng, đối với chế độ, đối với tương lai phát triển của đất nước.

Có thể khái quát một số yêu cầu và giải pháp căn bản sau:

1. Thống nhất cao về nhận thức, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng phát triển

Trước hết, phải bắt đầu từ nhận thức. Bởi lẽ, mọi hành động đều bắt nguồn từ nhận thức; nhận thức không thống nhất thì hành động sẽ phân tán. Do đó, việc học tập, quán triệt Nghị quyết không thể làm hình thức, chiếu lệ, mà phải làm rõ tinh thần cốt lõi, làm rõ điểm mới, làm rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ.

Cần chuyển mạnh từ cách học “đọc - chép - nghe báo cáo” sang thảo luận vấn đề, liên hệ thực tiễn địa phương, đơn vị mình, của tổ chức mình để xác định việc làm, lộ trình, giải pháp tổ chức thực hiện và các mục tiêu cụ thể.

Quan trọng hơn, phải làm cho Nghị quyết không chỉ đi vào đầu óc cán bộ, mà đi vào trái tim Nhân dân, nghĩa là phải làm cho Nhân dân hiểu, đồng thuận, đồng tình, đồng lòng tham gia thực hiện. Bởi suy cho cùng, động lực lớn nhất của phát triển chính là: niềm tin xã hội, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của mỗi con người Việt Nam. Khi Nhân dân tin tưởng và đồng thuận, thì không khó khăn nào không thể vượt qua.

2. Thể chế hóa nhanh, đầy đủ và đồng bộ, đây là khâu đột phá của tổ chức thực hiện

Một trong những “điểm nghẽn của điểm nghẽn” lâu nay chính là: Đường lối, chủ trương đúng nhưng chậm thể chế hóa. Chậm luật hóa, chậm ban hành cơ chế, chính sách cũng đồng nghĩa với chậm phát huy nguồn lực, chậm cơ hội phát triển. Vì vậy, yêu cầu cấp bách là: khẩn trương rà soát hệ thống pháp luật, sửa đổi những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, loại bỏ những “giấy phép con”, tháo gỡ các rào cản thủ tục.

Đặc biệt, phải ưu tiên thể chế hóa các đột phá chiến lược: Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục và đào tạo, cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, vận hành thông suốt hệ thống chính quyền địa phương hai cấp, nhất là cấp xã, phường, đặc khu. Vấn đề cấp bách trước mắt là phải nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện, ban hành các văn bản, hoàn thiện hành lang pháp lý để các quyết sách chiến lược của Đảng đi vào thực tế, phát huy tác dụng, hiệu quả sớm nhất có thể.

Thể chế càng minh bạch, hành lang pháp lý càng thông thoáng, thủ tục hành chính càng đơn giản, thuận tiện thì nguồn lực xã hội càng được giải phóng, động lực phát triển càng phát huy mạnh mẽ. Có thể nói: thể chế tốt chính là “đòn bẩy lớn nhất” để hiện thực hóa thành công khát vọng phát triển của Đại hội XIV. Do đó, việc triển khai Nghị quyết phụ thuộc trước tiên và một phần lớn vào việc thể chế hóa nhanh, đầy đủ và đồng bộ các quyết sách chiến lược của Đảng.

3. Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện theo tư duy quản trị hiện đại

Một yêu cầu rất quan trọng là phải chuyển mạnh từ cách điều hành hành chính sang tư duy quản trị phát triển hiện đại. Nghị quyết không thể

triển khai chung chung, mà phải được cụ thể hóa thành chương trình, đề án, dự án, sản phẩm và hiệu quả cụ thể. Mỗi việc phải rõ mục tiêu, rõ lộ trình, rõ nguồn lực, rõ người chịu trách nhiệm, rõ kết quả và hiệu quả.

Lấy kết quả cuối cùng làm thước đo đánh giá năng lực, phẩm chất của cán bộ, không phải báo cáo hình thức. Cần áp dụng mạnh mẽ: quản trị theo dữ liệu, chuyển đổi số trong quản lý, đánh giá hiệu quả bằng chỉ số định lượng (KPI).

Qua đó, bảo đảm: Nói ít, làm nhiều, làm đến nơi đến chốn, có sản phẩm cụ thể cho Nhân dân thụ hưởng, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo năng lực, phẩm chất của từng cán bộ, đảng viên, từng cơ quan trong hệ thống chính trị.

4. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm phương thức hành động chủ đạo

Triển khai Nghị quyết trong thời đại số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà còn phải gắn liền với tái cấu trúc toàn bộ phương thức quản trị quốc gia: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, dữ liệu số. Mọi hoạt động: Quản lý đầu tư, điều hành ngân sách, cung cấp dịch vụ công, giám sát cán bộ, đều cần và phải được số hóa, minh bạch hóa. Chúng ta đã thực hiện một cuộc cách mạng trong đổi mới hệ thống tổ chức bộ máy của toàn bộ hệ thống chính trị gắn liền với điều kiện phát triển công nghệ số. Vì thế, chuyển đổi số, ứng dụng số trong quản lý, quản trị điều hành của hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương hai cấp là điều kiện cần và đủ cho hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy đó.

Chỉ khi quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ, chúng ta mới: Giảm chi phí, tăng hiệu quả, phòng chống tiêu cực, phục vụ Nhân dân tốt hơn. Và như thế thì hạnh phúc của nhân dân và sự hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền các cấp sẽ đảm bảo được minh bạch, cụ thể và hiệu quả hơn rất nhiều.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ - nhân tố quyết định của mọi quyết định

Cuối cùng và quan trọng nhất vẫn là con người. Thực tiễn đã chứng minh: đường lối đúng đến đâu mà cán bộ yếu kém thì cũng không thành công; ngược lại, cán bộ tốt có thể biến chủ trương đúng đắn, hợp lý thành kỳ tích. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng: Lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; kiên quyết chống

tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm; thực hiện cơ chế “có vào có ra, có lên có xuống”.

Cán bộ thời kỳ mới phải: Có tầm nhìn chiến lược, có năng lực quản trị hiện đại, có bản lĩnh đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Chỉ khi mỗi cán bộ thực sự là “hạt nhân hành động”, thì Nghị quyết mới đi vào cuộc sống thực sự.

6. Tinh thần xuyên suốt: hành động - quyết liệt - hiệu quả

Triển khai Nghị quyết Đại hội XIV đòi hỏi một tinh thần mới: nhanh hơn, quyết liệt hơn, sáng tạo hơn, hiệu quả hơn. Không chấp nhận: trì trệ, né tránh trách nhiệm, nói nhiều làm ít. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương phải tự hỏi: Mình đã làm gì cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu Đại hội? Bởi thành công của Đại hội không được đo bằng lời nói, mà được đo bằng: sự tăng trưởng của nền kinh tế, chất lượng sống của Nhân dân, niềm tin xã hội, và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Có thể nói một cách khái quát, cô đọng như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã tổng kết trong Báo cáo văn kiện trình Đại hội: “Khi thống nhất cao về tư tưởng; quyết liệt trong hành động; nghiêm minh trong kỷ luật; Nhân dân thật sự là trung tâm, nhất định chúng ta sẽ biến khát vọng thành hiện thực; đưa đất nước tiến mạnh, tiến vững chắc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội”./.